



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Ngày 30/09/2025	1,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-8.3%	-

DT thuần Q3/25
4.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.14 100%
YoY: ▲ 0.51 13.6%

LN thuần Q3/25
-1.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.09 45.7%
YoY: ▲ 0.41 23.9%

LN sau thuế Q3/25
-1.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.11 46.1%
YoY: ▲ 0.59 31.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
11.1%
YoY: +/-▲ 43.2%

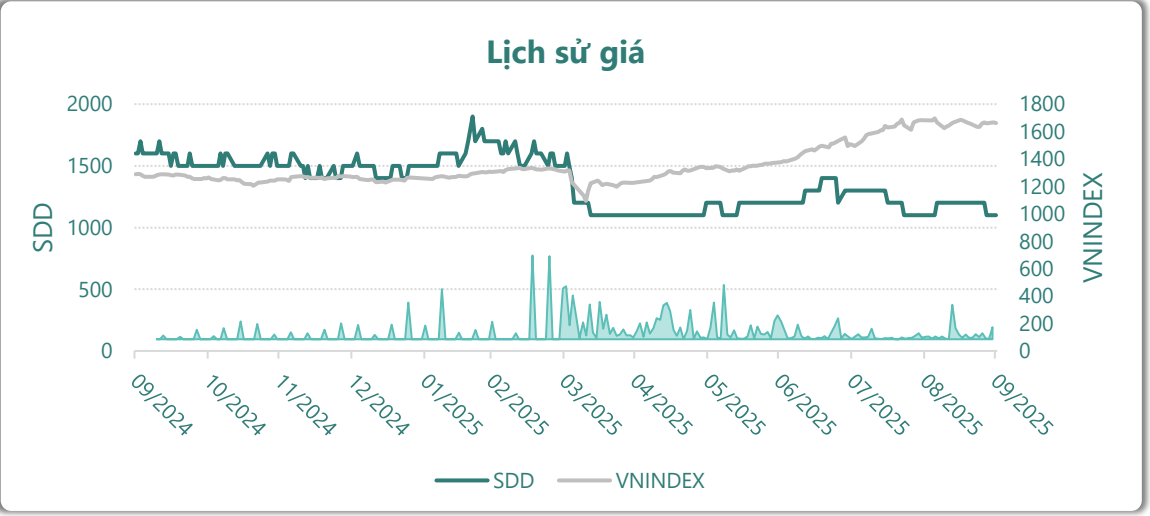
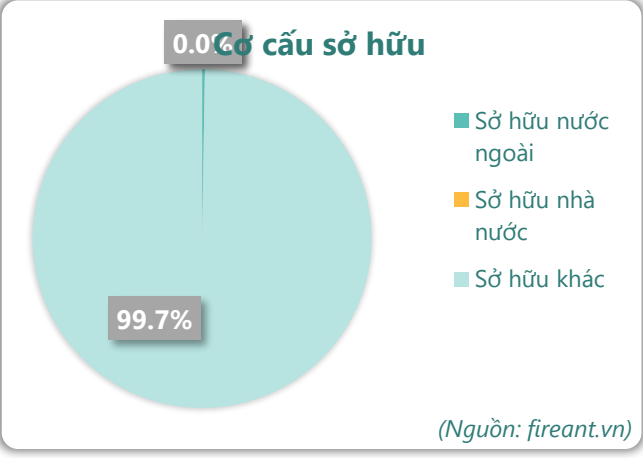
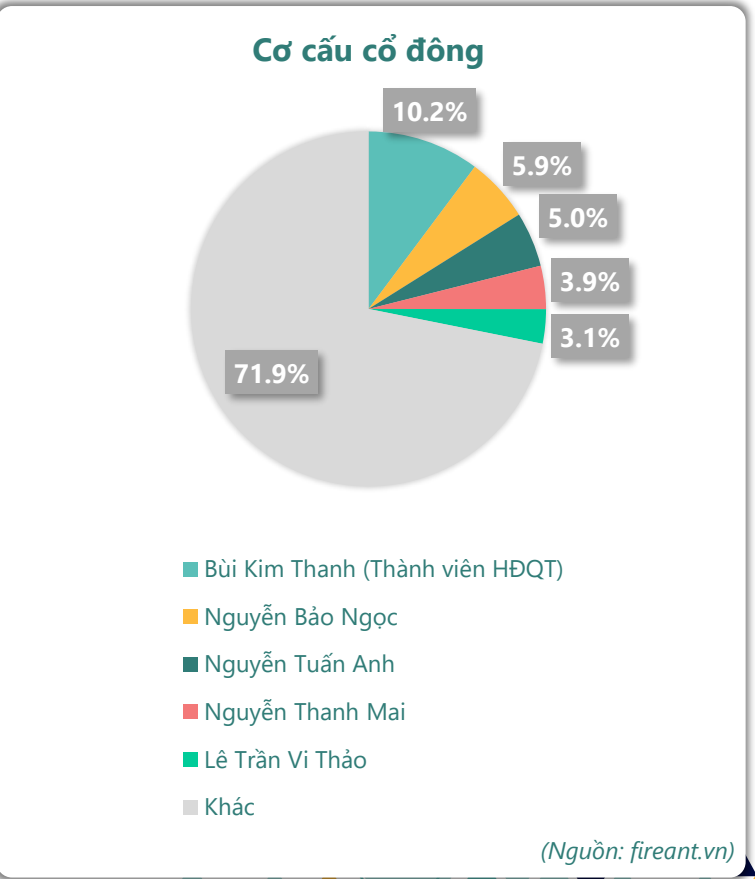
ROE (TTM) Q3/25
-11.7%
YoY: +/-▲ 0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,100 - 1,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18
Số lượng CPLH (CP)	16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,045
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.23
EPS	-647
P/E	-1.7

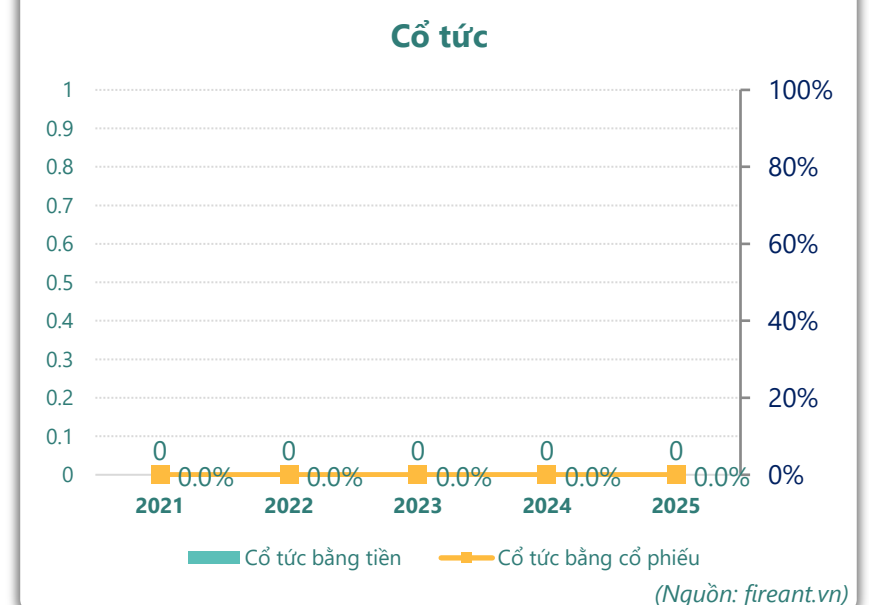
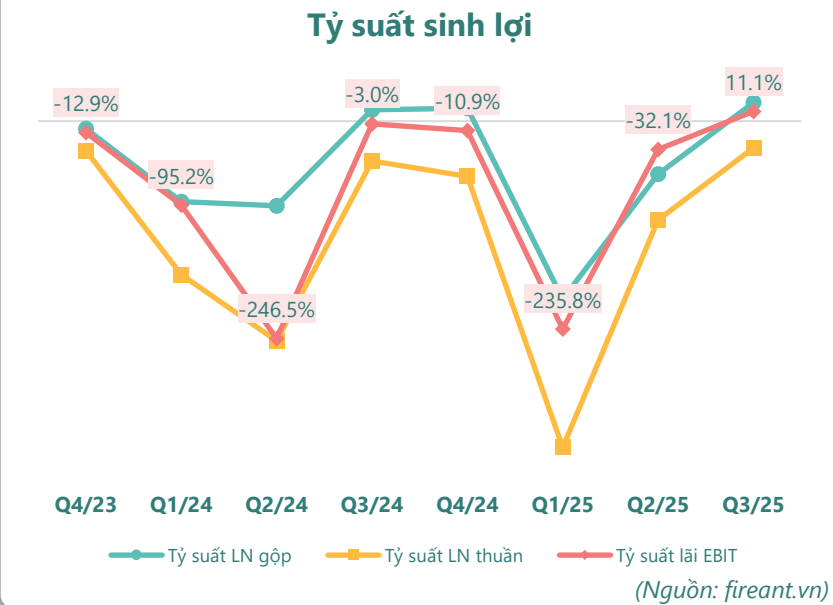
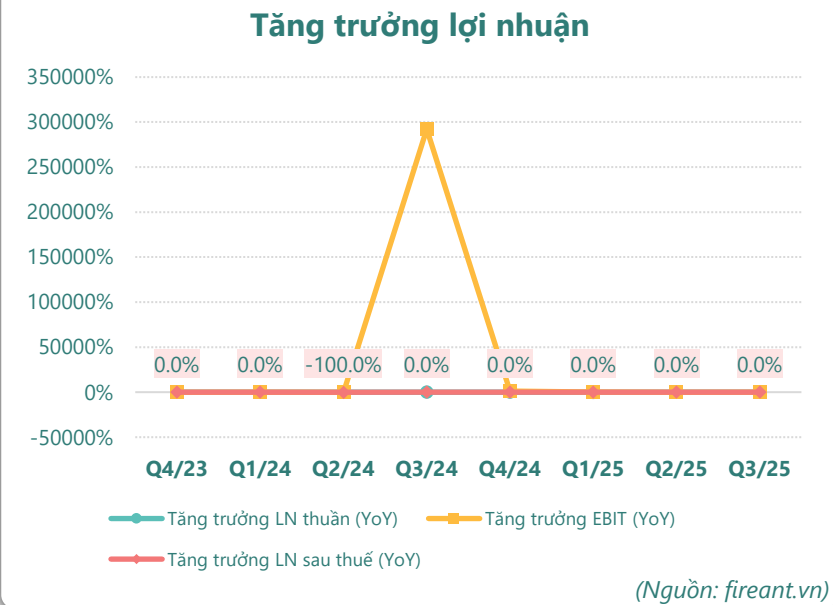
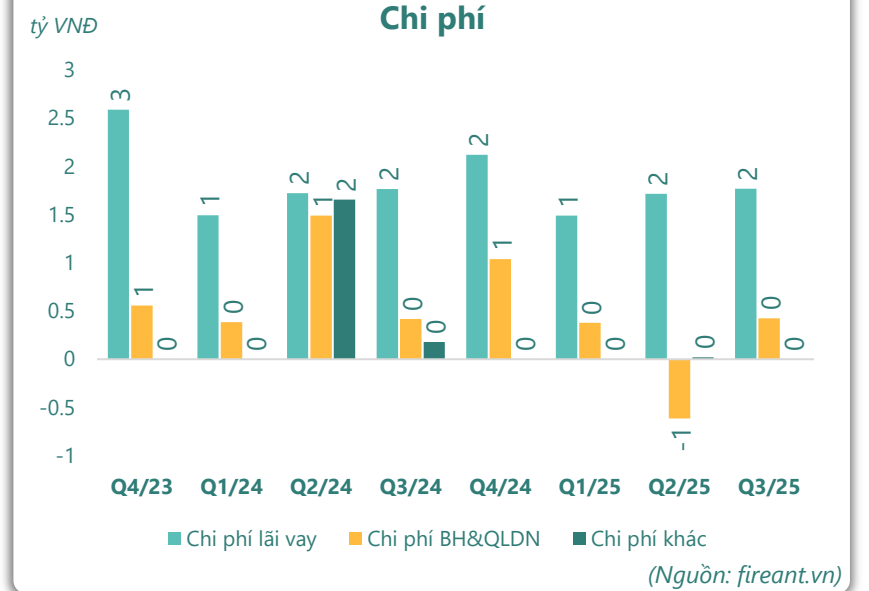
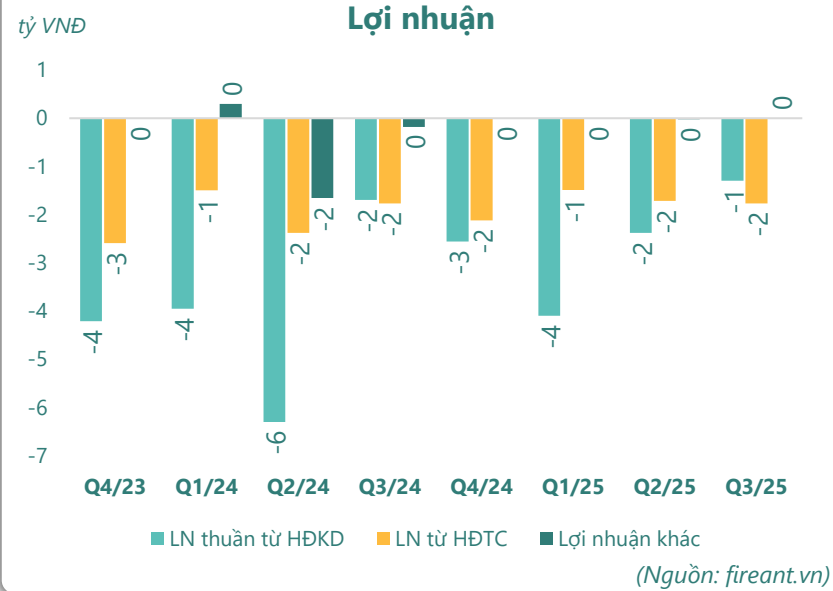
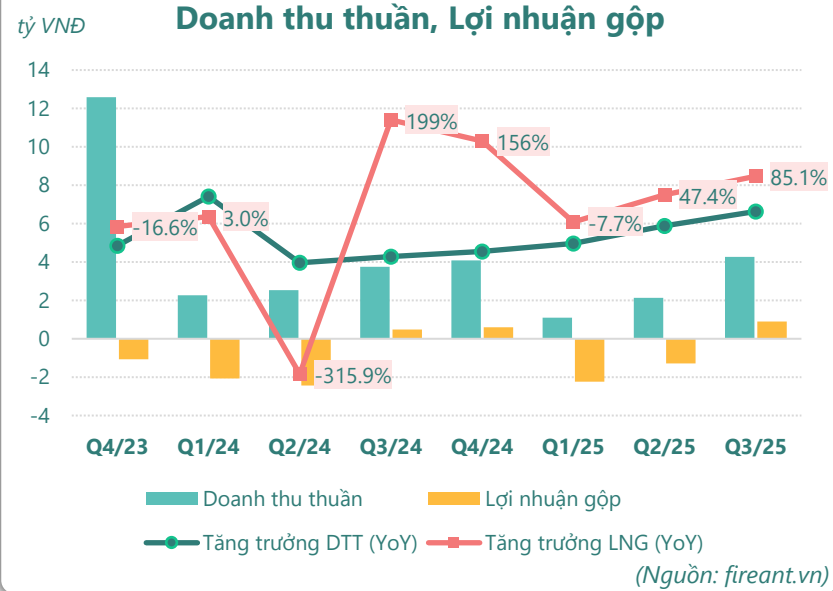
DT thuần 9T 2025
7.51
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.05 -12.3%

LN thuần 9T 2025
-7.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.13 34.9%

LN sau thuế 9T 2025
-7.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.71 42.2%



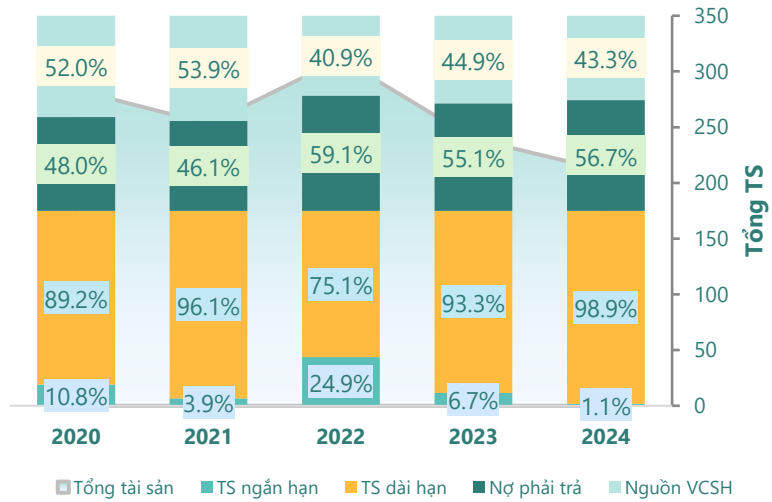
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

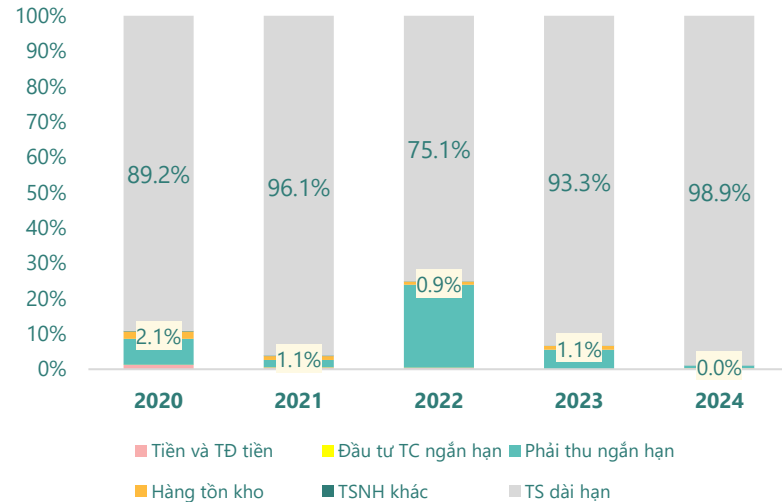
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

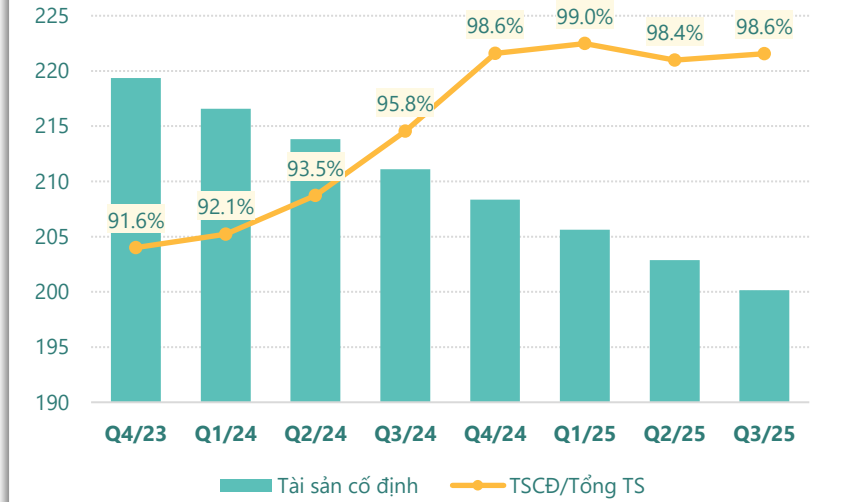
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

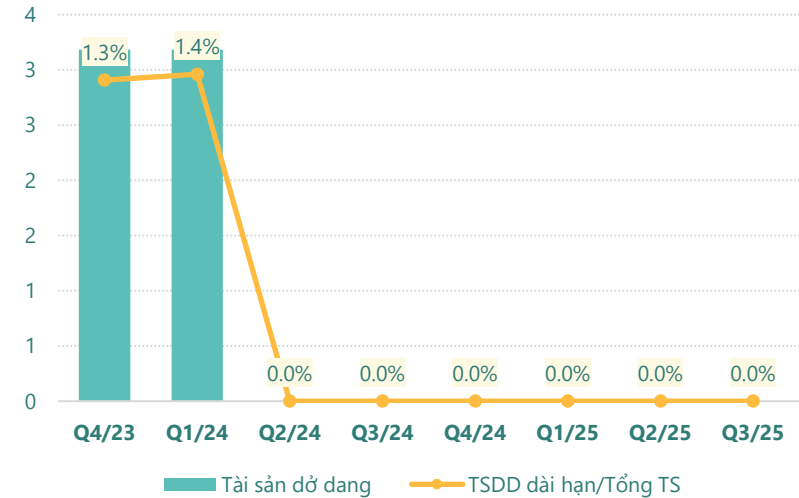
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

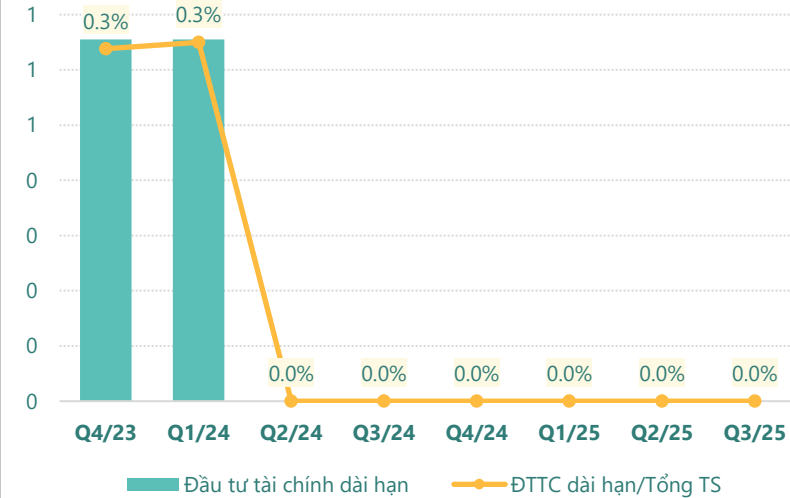
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

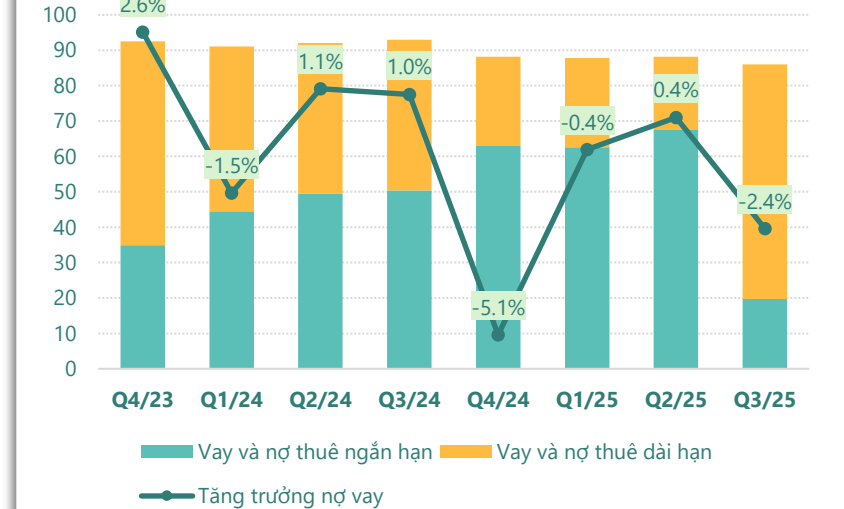
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

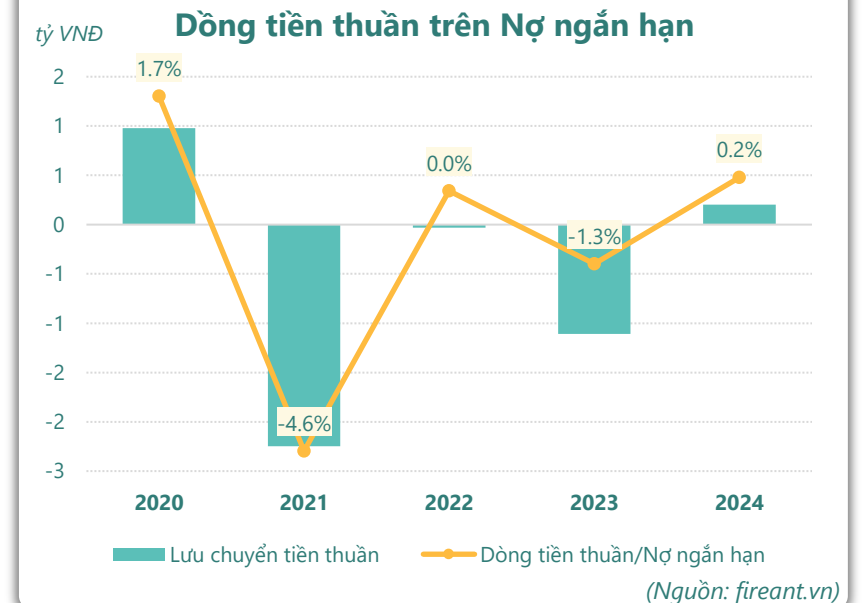
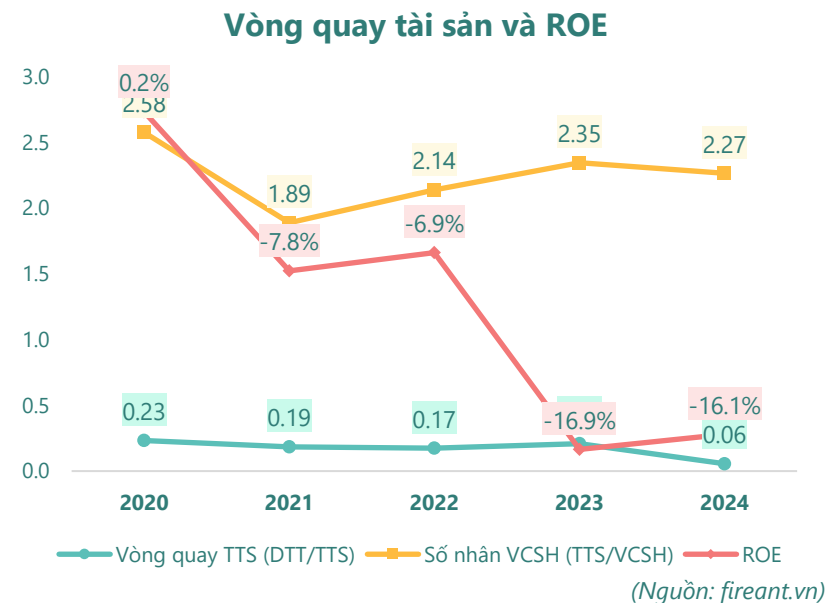
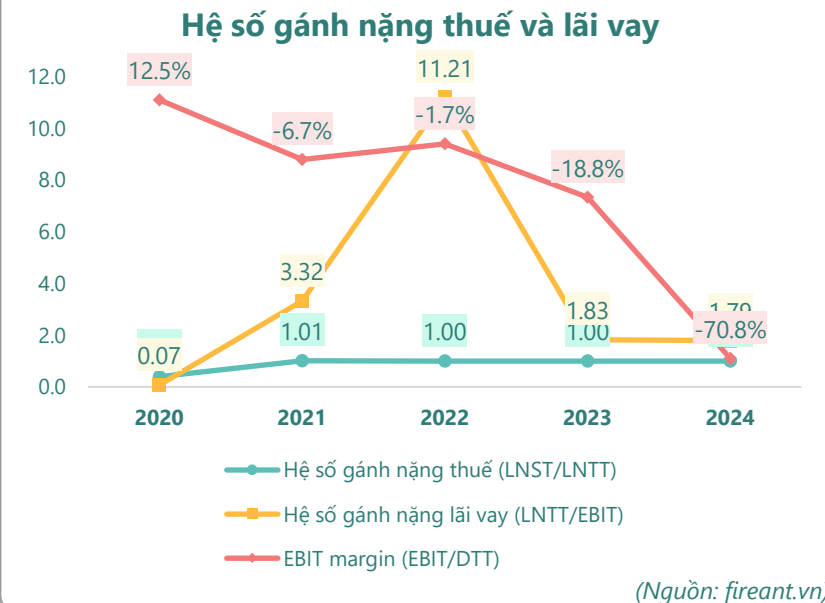
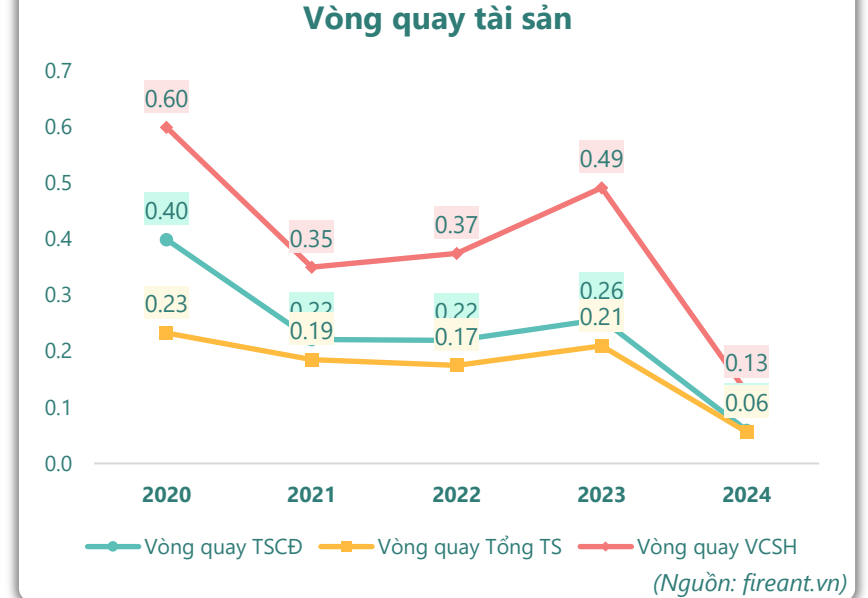
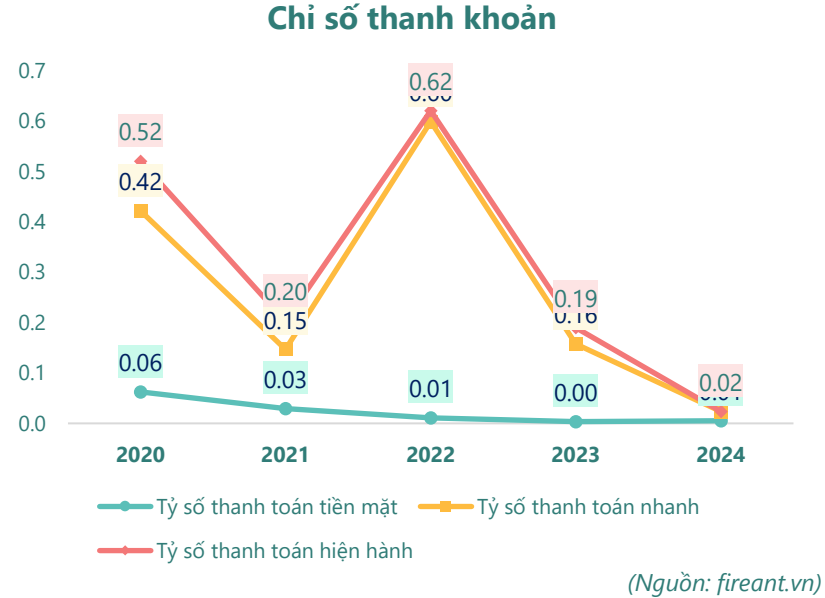
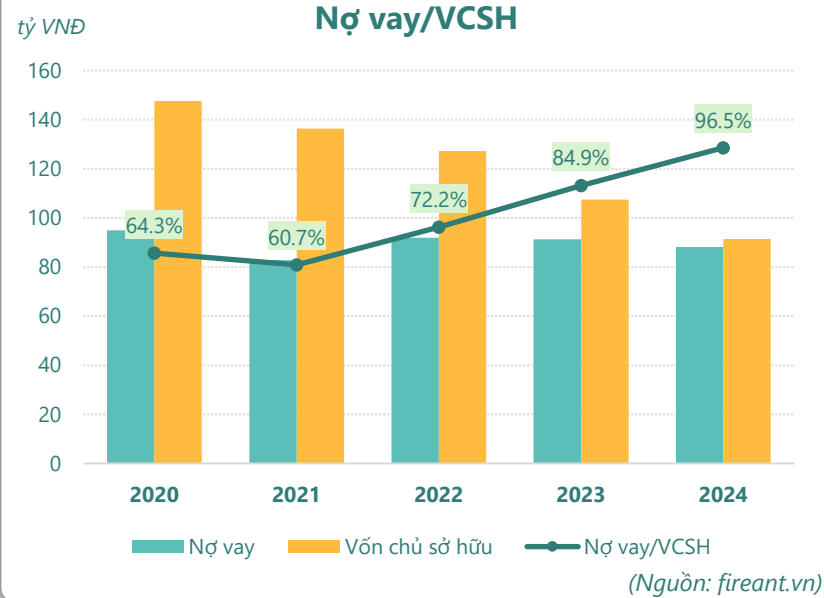
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4.27	3.76	13.6%	7.51	8.56	-12.3%
Giá vốn hàng bán	3.37	3.27	3.1%	10.1	12.6	-19.5%
Lợi nhuận gộp	0.90	0.49	83.7%	-2.61	-4.02	35.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	26.0%
Chi phí TC	1.77	1.76	0.5%	4.97	5.64	-11.7%
Chi phí lãi vay	1.77	1.76	0.5%	4.97	4.98	-0.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.43	0.42	1.2%	0.19	2.29	-91.8%
LN thuần từ HĐKD	-1.29	-1.70	23.9%	-7.77	-11.9	34.9%
Lợi nhuận khác	0	-0.18	100%	-0.02	-1.54	98.7%
LN trước thuế	-1.29	-1.88	31.2%	-7.79	-13.5	42.2%
Lợi nhuận sau thuế	-1.29	-1.88	31.2%	-7.79	-13.5	42.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.29	-1.88	31.2%	-7.79	-13.5	42.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.05	-0.91	5.25	0.32	-0.42	2.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.02	0.90	-4.78	-0.38	0.34	-2.15
Tiền đầu kỳ	0.07	0.03	0.02	0.50	0.44	0.36
Lưu chuyển tiền thuần	-0.03	-0.01	0.47	-0.06	-0.08	0.09
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.03	0.02	0.50	0.44	0.36	0.46

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	203	211	-3.9%
Tài sản ngắn hạn	2.34	2.23	5.1%
Tiền và tương đương tiền	0.46	0.50	-7.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1.87	1.61	16.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.12	-91.1%
Tài sản dài hạn	201	209	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	200	208	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.44	0.66	-32.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	119	120	-0.4%
Nợ ngắn hạn	35.1	94.6	-62.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.7	63.0	-68.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.62	11.9	-19.3%
Nợ dài hạn	84.1	25.2	234%
Vay và nợ thuê dài hạn	66.3	25.2	163%
Nguồn vốn chủ sở hữu	83.6	91.4	-8.5%
Vốn chủ sở hữu	83.6	91.4	-8.5%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

